

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2019/HS-ST**
Ngày 11-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hứa Thị Nhị.

2. Ông Điều Khuýt.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông, Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2019/TLST- HS ngày 19 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn Đ;** sinh năm 1964, tại tỉnh Ninh Bình; trú tại: tổ dân phố B, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có vợ: Nguyễn Thị D và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

2. *Nguyên đơn dân sự:* Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh ĐN; địa chỉ: Số 02 đường AMajhao, phường NĐ, thị xã GN, tỉnh Đắc Nông - vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

3. *Người làm chứng:*

3.1 Anh Từ Đình H; trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn ĐA, huyện ĐS- vắng mặt.

3.2 Anh Bà Hoàng Thị X: trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn ĐA, huyện ĐS - vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

3.3 Ông Vũ Đức Đ; trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn ĐA, huyện ĐS- vắng mặt

3.4 Ông Nguyễn Kiên C; trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn ĐA, huyện ĐS - vắng mặt.

3.5 Anh Phạm Văn Gi; trú tại: Thôn B, xã ĐM, huyện ĐL, tỉnh Đắc Nông - vắng mặt.

3.6 Ông Nguyễn Văn C; trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn ĐA, huyện ĐS - vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn Đ nhập ngũ tháng 3 năm 1983, huấn luyện tại Lữ đoàn 45, Quân đoàn I tại huyện Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa và công tác tại đây đến cuối năm 1983. Từ tháng 01 năm 1984 đến tháng 5 năm 1984, Nguyễn Văn Đ được điều động về công tác tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 141, Sư đoàn 312, Quân đoàn I. Tháng 02 năm 1984, Nguyễn Văn Đ bị thương trong quá trình quần dây điện hữu tuyến tại địa bàn tỉnh Hà Giang. Khi bị thương, Nguyễn Văn Đ được đưa về Bệnh viện 91 (đóng tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) để chữa trị vết thương nhưng sau đó không được cấp Giấy chứng nhận bị thương, không được giám định sức khỏe, không có Phiếu thương tật, nhưng có Giấy ra viện do Bệnh viện 91 cấp. Từ tháng 5 năm 1984 đến tháng 6 năm 1985, Nguyễn Văn Đ được điều động về lại Lữ đoàn 45 tiếp tục công tác. Ngày 20 tháng 6 năm 1985, Nguyễn Văn Đ xuất ngũ theo Quyết định xuất ngũ số 140 do Lữ đoàn phó Nguyễn Công Trình ký cấp. Từ năm 1986 đến năm 1995, Nguyễn Văn Đ chuyển về sinh sống và làm nông tại xóm 9, xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Từ năm 1996, Nguyễn Văn Đ chuyển vào sinh sống và làm nông tại huyện (Đắk Mil, tỉnh Đắk Lắk, nay là tổ B, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông).

Năm 2009, có một người đàn ông khoảng 60 tuổi (không rõ nhân thân, lai lịch) chạy xe đường dài bị hỏng xe trước nhà Đ tại tổ B, Thị trấn ĐS, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian sửa chữa xe, người này vào nhà Đ chơi nói chuyện và Đ đã kể cho người này về việc bị thương trong quá trình tham gia quân đội nhưng không được cấp Giấy chứng nhận bị thương nên không làm được chế độ thương binh. Người đàn ông đó nói có thể giúp Đ làm Giấy chứng nhận bị thương để làm chế độ thương binh vì nhà ở gần Trung đoàn 141. Sau đó, Đ đưa cho người đàn ông này một Giấy xuất viện do Bệnh viện 91, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên cấp. Sau khi sửa xe xong thì người đàn ông đó đi về. Khoảng 10 ngày sau, người đàn ông đó quay lại và đưa cho Đ một Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN, đề ngày 20/5/1984, ghi do Thủ trưởng Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 là Thiếu tá Phạm Văn Quang ký cấp. Từ thời gian đó, Đ không gặp hay có thông tin, liên lạc gì với người đàn ông đó.

Mặc dù biết rõ Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN là giả nhưng Nguyễn Văn Đ vẫn liên hệ làm các thủ tục giấy tờ hồ sơ thương binh. Nguyễn Văn Đ đã làm đơn đề nghị Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Thị trấn Đức An, huyện Đắk Song và các Ban, ngành liên quan xem xét, đề nghị xác nhận thương binh cho mình dựa trên Giấy chứng nhận bị thương đã được làm giả. Ngày 28 tháng 4 năm 2009, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các ban, ngành liên quan của thị trấn ĐA, huyện Đắk Song gồm: ông Nguyễn Văn C (Phó Bí thư Đảng ủy), bà Hoàng Thị X (Phó Chủ tịch UBND), ông Vũ Đức Đ (Xã đội trưởng), ông Nguyễn Kiên C (Chủ tịch Hội Cựu chiến binh), ông Phạm Văn Gi (Cán bộ Thương binh xã hội), ông Từ Đình H (Tổ trưởng Tổ dân phố 4) đã lập biên bản họp, đề

ngiht xác nhận thương binh cho Nguyễn Văn Đ dựa trên Giấy chứng nhận bị thương Đ nộp mà không biết rằng đó là Giấy chứng nhận bị thương được làm giả. Đến tháng 7 năm 2009, Đ nộp toàn bộ hồ sơ, trong đó có Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk Song. Tháng 12 năm 2009, Đ được khám sức khỏe tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông. Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Đ được giám định thương tật tại Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông theo Biên bản số 19349/GĐYK do Hội đồng Giám định Quân khu V tổ chức trên cơ sở Giấy chứng nhận bị thương mà Đ giao nộp. Sau đó, Nguyễn Văn Đ được hưởng chế độ từ tháng 5 năm 2013 đến ngày 13 tháng 4 năm 2017 thì bị Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Đắk Nông ra Quyết định số 340/QĐ-LĐTBXH về việc đình chỉ chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân người có công. Số tiền Nguyễn Văn Đ nhận được từ hồ sơ thương binh cho đến khi bị đình chỉ theo thông kê là 126.956.000 đồng (*Một trăm hai sáu triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn đồng*).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã xác minh toàn bộ hồ sơ lưu trữ tại Trung đoàn 141, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 từ tháng 01 năm 1984 đến tháng 5 năm 1984, không có ai tên là Nguyễn Văn Đ. Trong danh sách quân nhân bị thương tại Trung đoàn 141, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 thời điểm từ tháng 02 tháng 1984 đến tháng 5 tháng 1984 không có tên Nguyễn Văn Đ. Trong Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN, ngày 20/5/1984 của Nguyễn Văn Đ thể hiện do Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 cấp. Tuy nhiên Quân đoàn không có đơn vị nào phiên hiệu là C5, D5, E167, F312, Quân đoàn 1

Tại thông báo kết quả giám định số 10/GĐKTHS-P11, ngày 18/02/2016 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng xác định: Phần chữ in phôi của Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN, ngày 20/5/1984 ghi do Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn I cấp cho Nguyễn Văn Đ được hình thành bằng các hạt mực laze. Hình dấu xác nhận mang tên “Trung đoàn 167” có chữ “Trung đoàn 167” của hình dấu được kẻ, vẽ bằng tay.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận mình chưa từng tham gia Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 nên việc Trung đoàn 167 cấp Giấy chứng nhận bị thương cho ông Đ là không đúng sự thật. Việc ông Đ sử dụng Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN, ngày 20/5/1984 của Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 để làm hồ sơ thương binh, nhận chế độ của Nhà nước với số tiền 126.956.000 đồng là vi phạm pháp luật (trong đó tiền trợ cấp cho Nguyễn Văn Đ là 91.473.600 đồng các con của Đ là 35.482.400 đồng).

Ngày 14/12/2018 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đắk Song đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn Đ đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt để khắc phục hậu quả cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Nông là 126.956.000 đồng (thông qua Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đắk Song thu hồi số tiền trên để nộp lại trả lại cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Nông để nộp trả cho Nhà nước theo quy định). Sau khi nhận số tiền này, Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Nông không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 31a/CT-VKS-ĐS ngày 17/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Bị cáo nhập ngũ tháng 3 năm 1983, huấn luyện tại Lữ đoàn 45, Quân đoàn I tại Bim Sơn, Thanh Hóa và công tác tại đây đến cuối năm 1983. Từ tháng 01 năm 1984 đến tháng 5 năm 1984, bị cáo được điều động về công tác tại Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 141, Sư đoàn 312, Quân đoàn I. Tháng 02 năm 1984, bị cáo bị thương trong quá trình quần dây điện hữu tuyến tại địa bàn tỉnh Hà Giang. Khi bị thương, được đưa về Bệnh viện 91 (đóng tại huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) để chữa trị vết thương nhưng sau đó không được cấp Giấy chứng nhận bị thương, không được giám định sức khỏe, không có Phiếu thương tật, nhưng có Giấy ra viện do Bệnh viện 91 cấp. Từ tháng 5 năm 1984 đến tháng 6 năm 1985, bị cáo được điều động về lại Lữ đoàn 45 tiếp tục công tác. Ngày 20 tháng 6 năm 1985, bị cáo xuất ngũ theo Quyết định xuất ngũ số 140 do Lữ đoàn phó Nguyễn Công Trình ký cấp. Từ năm 1986 đến năm 1995, bị cáo chuyển về sinh sống và làm nông tại xóm 9, xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Từ năm 1996, bị cáo chuyển vào sinh sống và làm nông tại tổ B, thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông. Trong thời gian sống tại thị trấn Đức An, huyện Đắk Song bị cáo đã nhờ một người đàn ông không rõ lai lịch làm giấy tờ, tài liệu liên quan để làm hồ sơ kê khai quá trình tham gia kháng chiến là một

Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN, đề ngày 20/5/1984, ghi do Thủ trưởng Trung đoàn 167, Sư đoàn 312, Quân đoàn 1 là Thiếu tá Phạm Văn Quang ký cấp. Mặc dù biết rõ Giấy chứng nhận bị thương số 21/GCN là giả nhưng bị cáo vẫn liên hệ làm các thủ tục giấy tờ hồ sơ thương binh. Bị cáo Đ đã làm đơn đề nghị Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn ĐA, huyện ĐSVà các Ban, ngành liên quan xem xét, đề nghị xác nhận thương binh cho mình dựa trên Giấy chứng nhận bị thương đã được làm giả nộp cho Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông để được hưởng chế độ chính sách, từ tháng 5 năm 2013 đến tháng 4 năm 2017 với tổng số tiền 126.956.000 đồng, trong đó: tiền trợ cấp cho bị cáo là 91.473.600 đồng và tiền trợ cấp cho các con của bị cáo là 35.482.400 đồng. Bị cáo có hành vi sử dụng giấy tờ giả là Giấy chứng thương giả để lừa cơ quan Nhà nước nhằm hưởng chế độ chính sách trái pháp luật, hành vi sử dụng giấy tờ giả là phương thức, thủ đoạn để đánh lừa cơ quan chuyên Nhà nước nhằm thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì vậy không truy tố bị cáo thêm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là phù hợp.

HĐXX, xét thấy tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều 174 Bộ luật hình sự quy định Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[3] Xét hành vi của bị cáo: HĐXX xét thấy bị cáo biết rõ các quy định về điều kiện, thủ tục làm hồ sơ để được hưởng trợ cấp và biết rõ bản thân không có giấy tờ, tài liệu hợp lệ theo quy định nhưng vẫn cố tình sử dụng tài liệu giả để cung cấp để lừa dối, làm cho cơ quan chức năng tin rằng các tài liệu do bị cáo cung cấp là đúng để được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước. Bản thân bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất đi ý nghĩa cao đẹp trong chính sách đãi ngộ của Nhà nước đối với những người có công với đất nước, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến quyền sở hữu của Nhà nước và sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm giáo dục riêng cho bị cáo và phòng

ngừa chung cho xã hội. Mặc dù bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật và đã phạm vào tình tiết tăng nặng “Xâm phạm tài sản của nhà nước” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết này đối với bị cáo khi lượng hình. Khi so sánh quy định giữa điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì không có sự khác biệt về số tiền chiếm đoạt cũng như mức hình phạt áp dụng. Do đó, cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử lý đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự;

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã nộp đủ số tiền 126.956.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có quá trình tham gia quân đội, có đóng góp cho quá trình chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc và có bị thương trong khi làm nhiệm vụ, hơn nữa, trong quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo được tặng các giấy khen và gia đình bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Để thể hiện sự nhân đạo trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước đặc biệt là đối với gia đình có công với cách mạng, với đất nước, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình đã gây ra. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, không bắt bị cáo đi chấp hành phạt tù thì cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo, không làm phương hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; không gây ảnh hưởng tới công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tại địa phương. Do đó đủ cơ sở để Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm,

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú trong thời gian thử thách là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp lại số tiền đã chiếm đoạt là 126.956.000 đồng cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Nông nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 [Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về phí, lệ phí Tòa án](#).

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù, được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/07/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ về cho Ủy ban nhân dân thị trấn ĐA, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông là nơi cư trú của bị cáo để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của [Luật thi hành án hình sự](#).

[Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.](#)

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã nộp lại số tiền đã chiếm đoạt là 126.956.000 đồng cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Đắk Nông nên Hội đồng xét xử miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; [Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 về phí, lệ phí Tòa án](#).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PC06 CA tỉnh Đắk Nông
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ. Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng